TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:14/2021/ST-HNGĐ
Ngày 24 tháng 3 năm 2021
" V/v Yêu cầu ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đăng Khoa và Bà Phạm Thị Thúy Hằng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 24/3/2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2020/TLST – HNGĐ ngày 25/11/2020 về việc "Yêu cầu ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T – Sinh năm: 1987

Nơi ĐKHKTT: Thôn 02, xã E, huyện M, tỉnh Đăk Lăk – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T– Sinh năm: 1983

Nơi ĐKHKTT: Thôn 7, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt không có lý do.

3. Người làm chứng: Ông Nguyễn Hữu H - Sinh năm: 1956 (Bố của anh Nguyễn Hữu T).

Trú tại: Thôn 07, xã Đ, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồ Thị T vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2019 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Hồ Thị T trình bày:

Chị Hồ Thị T kết hôn với anh Nguyễn Hữu T vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện M, tỉnh Đăk Lăk trên tinh thần tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình chồng một thời gian thì vợ chồng đi làm

ăn ở miền nam. Đến cuối năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách thay đổi ngày càng không hợp nhau nên thường xẩy ra cãi cọ, không có tiếng nói chung. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2012 cho đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Không có con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Hữu T vắng mặt nên không có ý kiến.

- Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là ông Nguyễn Hữu H vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Anh Nguyễn Hữu T là con trai của ông Nguyễn Hữu H, anh T kết hôn với chị T vào tháng 7/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã xã E, huyện M, tỉnh Đăk Lăk. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình chồng một thời gian, sau đó vào miền nam làm ăn. Đến cuối năm 2012 vợ chồng có mâu thuẫn, nên anh T có về nhà một thời gian và anh T có nói vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau nên sống ly thân với nhau từ cuối năm 2012 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị T thì về nhà bố mẹ đẻ sống, còn anh T có về nhà ông H sống được thời gian thì đi vào Nam làm ăn.Từ khi đi làm ăn đến nay anh T chưa về lần nào mà chỉ liên lạc qua điện thoại về cho ông H. Anh T chỉ nói đi làm ăn trong Nam chứ không nói địa chỉ cụ thể ở đâu cả. Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ cho cho anh T về việc chị T yêu cầu ly hôn thì ông H đã nhận và gọi điện báo cho anh T biết. Anh T nói, vợ chồng không còn tình cảm thì ly hôn vì vợ chồng đã ly thân đã lâu nhưng do làm ăn xa không về giải quyết được nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh T.

Về con chung: Không có con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238 là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Luật hôn nhân gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Không có con.

Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hồ Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu T không có mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu ly hôn giữa chị T và anh T cho ông Nguyễn Hữu H là bố đẻ của anh T nhận và ông H đã báo lại cho anh T biết nhưng anh T vẫn không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An để giải quyết theo yêu cầu của Tòa án, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Mặc dù anh T đã biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị T, nhưng anh T không về, không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của mình cho chị T và Tòa án biết. Tại phiên Tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt. Đối với chị T đã có đơn xin vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Hồ Thị T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau vào năm 2008 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện M, tỉnh Đăk Lăk. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn thì chị T và anh T sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống.Vì vậy, thường xuyên phát sinh mẫu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã sống ly thân từ cuối năm 2012 cho đến nay. Khi sống ly thân thì anh T có về nhà ông H sinh sống một thời gian, sau đó đi vào miền nam làm ăn.Trước khi đi anh T chỉ nói với ông H là đi làm ăn ở miền nam, chứ không nói địa chỉ cụ thể.Trong quá trình giải quyết vụ án ông H khai là đã liên lạc với anh T và báo cho anh T biết Tòa án đang giải quyết ly hôn với chị T nhưng anh T không về giải quyết và cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi sinh sống và làm việc của mình. Việc anh T không về để giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án và không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc của mình là nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án và cố tình che dấu địa chỉ nên Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục chung do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống hiện tại và tương lai. Nhưng giữa chị T và anh T đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng,

chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi. Do đó hôn nhân giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị T là phù hợp với khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T cũng đồng ý ly hôn với chị Tuấn.

Về con chung: Không có con nên không xét.

Về tài sản chung và nợ: Chị Hồ Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Hồ Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Xử;

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về án phí: Chị Hồ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005694 ngày 23/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã E;*
- *Lưu HS;*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Lệ Hằng